Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

Lệnh Chamfer:

Cách gọi lệnh

- Modify/Chamfer
- Cha ↵
- Modify

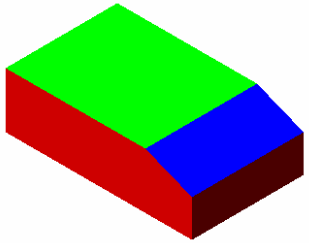

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

Dòng Lệnh:

Select first line or [Polyline/Distance/Angle/Trim/Method/mUltiple]:
(chọn cạnh cần vát mép)
Base surface selection...
Enter surface selection option [Next/OK (current)] <OK>:
(chọn cạnh của solid để định mặt chuẩn,
Specify base surface chamfer distance <30.0000>:
(khoảng cách vát mép của mặt chuẩn)
Specify other surface chamfer distance <40.0000>:
(khoảng cạnh vát mép của mặt bên)
Select an edge or [Loop]: Select an edge or [Loop]
(chọn lại cần vát mép trên mặt

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

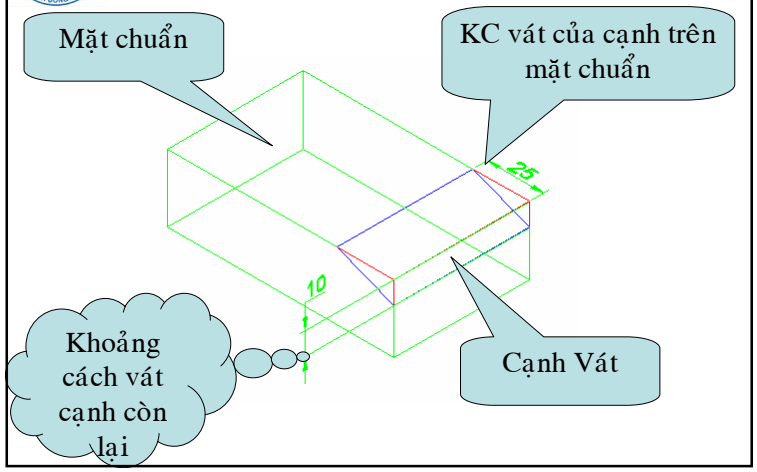

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

❖Lựa Chọn LOOP

Lựa chọn này cho phép vát mép toàn bộ các cạnh của mặt chuẩn được chọn khị nhập chữ L:

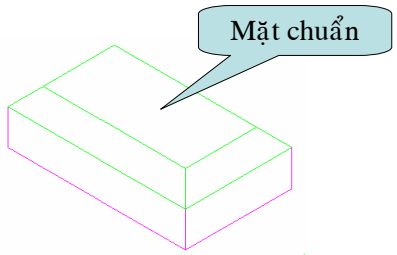

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

❖Lệnh Fillet

Cách gọi lệnh

- Modify/Fillet
- F ↵
- Modify

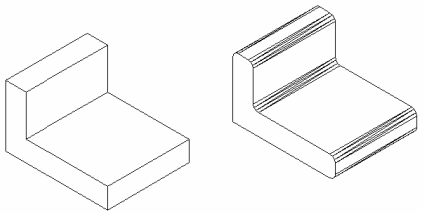

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

❖Dòng Lệnh:

Select first object or [Polyline/Radius/Trim/mUltiple]: ↵
(chọn một cạnh của Solid)
Enter fillet radius <5.0000> ↵
(nhập bán kính cần bo tròn)
Select an edge or [Chain/Radius] ↵
(chọn giao tuyến tiếp cần bo tròn)
1 edge(s) selected for fillet. ↵
(tiếp tục chọn hoặc Enter để kết thúc lệnh)

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

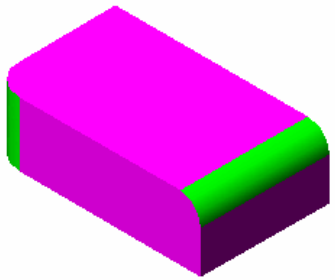

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

❖ Tùy chọn Chain cho phép fillet một loạt các cạnh liên tiếp nhau, các cạnh chọn để fillet tạo thành một chuỗi "chain"

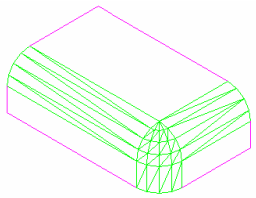

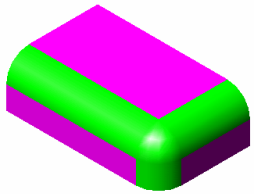

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

❖Lệnh Slice

Cách gọi lệnh

- Draw/Solid/slice
- slice ↵
- Solid

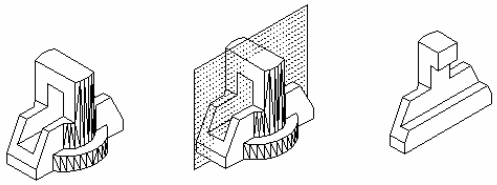

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

❖Dòng lệnh:

Select objects: 1 found
(chọn đối tượng cần cắt)
Specify first point on slicing plane by [Object/Zaxis/View/XY/YZ/ZX/3points] <3points>: yz
(chọn mặt phẳng cần cắt theo các lựa chọn)

Specify a point on desired side of the plane or [keep Both sides]:
(chọn một điểm trên solid cần dữ lại hoặc nhập B để dữ lại cả hai)

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

❖Vấn đề về xác định mặt phẳng cắt:

➢3 Points

Specify first point on plane:
(Xác định điểm thứ nhất của mặt phẳng)
Specify second point on plane:
(Xác định điểm thứ hai của mặt phẳng)
Specify third point on plane:
(Xác định điểm thứ ba của mặt phẳng)

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

❖Vấn đề về xác định mặt phẳng cắt:

➢3 Points

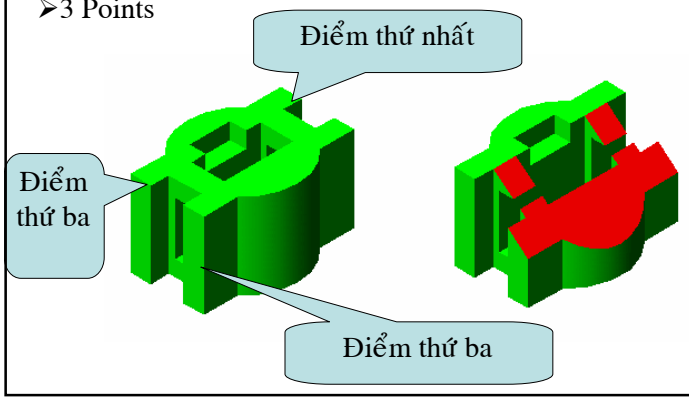

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

❖Vấn đề về xác định mặt phẳng cắt:

➢XY/ YZ/ ZX : XY ↵ YZ ↵ ZX ↵

Specify a point on the XY-plane <0,0,0>: Xác định điểm gốc cần cắt trên mặt phẳng XY

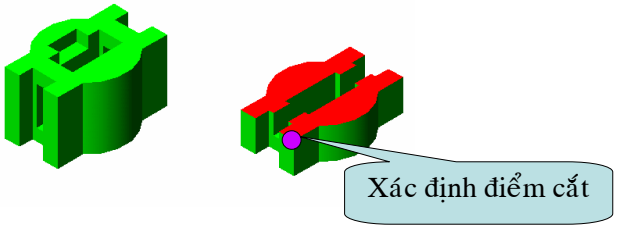

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

❖**Lệnh section**

Công dụng: dùng để tạo một miền là giao của solid và mặt phẳng cắt, mặt cắt này sẽ nằm trên lớp hiện hành

Cách gọi lệnh

- Draw/Solid/section
- sec ↵
- Solid

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH KHỐI

Dòng lệnh:

Select objects: 1 found

(chọn đối tượng cần cắt)

Specify first point on slicing plane by [Object/Zaxis/View/XY/YZ/ZX/3points] <3points>: yz

(chọn mặt phẳng cần cắt theo các lựa chọn)

Vấn đề chọn mặt phẳng cắt tương tự như lệnh slice

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

Cách gọi lệnh

- Modify/Solides ditting
- Từ bàn phím ↵
- Solids editting

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

Cách 1: Từ thanh công Modify

Cách 2:

Command: solidedit ↵

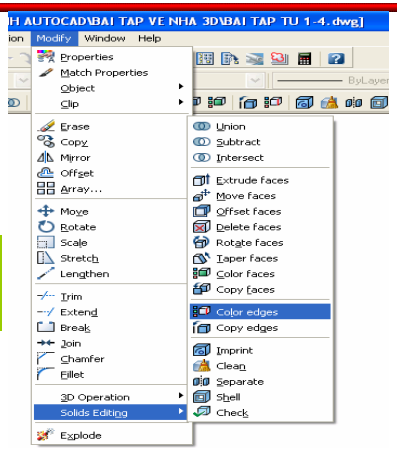

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

Cách 3: Từ thanh công cụ Solids editting

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

1. Lệnh: Extrude faces

Côn dụng: Dùng để hiệu chỉnh bề mặt khối rắn tức là có thể làm tăng hoặc giảm bề mặt khối rắn

Cách gọi lệnh

- Modify/Solides ditting/extrude faces
- Soliedit ↵
- Solids editting

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

Dòng lệnh

Select faces or [Undo/Remove/ALL]:

Lựa chọn mặt phẳng extrude

Specify height of extrusion or [Path]: 10

Nhập khoảng cách cần hiệu chỉnh

Specify angle of taper for extrusion <0>:

Nhập góc vát

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

Ví dụ:

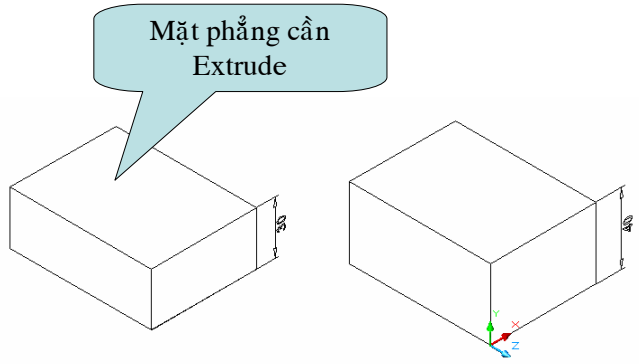

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

Chú ý

- Khi dùng lệnh extrude faces thì chúng ta không cần phải quan tâm đang đứng trên mặt phẳng nào
- Chúng ta có thể dùng lệnh extrude faces để trừ đối tượng thay cho lệnh trừ
- Khi chúng ta sử dụng lệnh này chúng ta phải lựa chọn đúng mặt mà chúng ta cần hiệu chỉnh

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

Ví dụ:

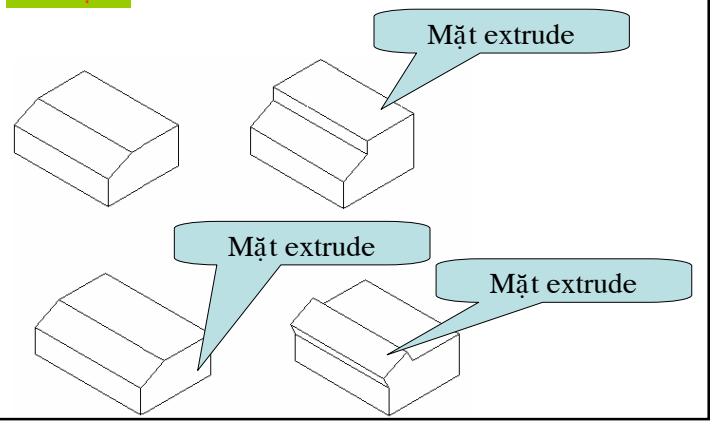

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

Ngoài ra chúng ta cũng có thể extrude faces theo đường dẫn

❖ Lựa chọn Path

Dòng lệnh

Select extrusion path:

Chọn đường dẫn để extrude mặt theo đường dẫn đó

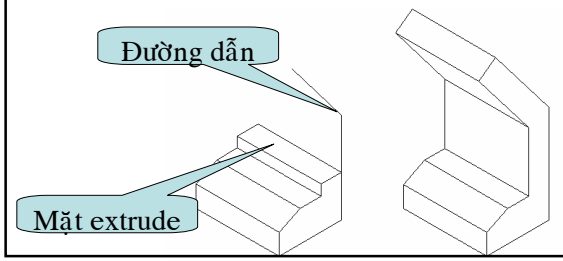

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

2. Lệnh Move Faces

Côn dụng: Dùng để hiệu chỉnh các mặt khối rắn bằng cách dịch chuyển bề mặt đối tượng

Cách gọi lệnh

- Modify/Solides ditting/move faces
- Solidedit ↵
- Solids editting

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

❖ Dòng lệnh

Select faces or [Undo/Remove]: 1 face found.

Chọn mặt phẳng cần dịch chuyển

Specify a base point or displacement:

Điểm chuẩn cần move

Specify a second point of displacement:

Điểm cần đặt tới

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

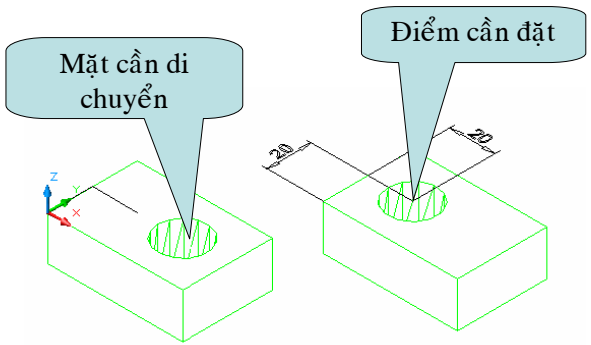

CÁC LỆNH HIỆU CHỈNH MẶT TRÊN KHỐI RẮN

3. Offset faces

Côn dụng: Dùng để hiệu chỉnh các mặt khối rắn bằng cách offset bề mặt đối tượng

Cách gọi lệnh

- Modify/Solides ditting/offset faces
- Soliedit ↵
- Solids editting